TỔNG CỤC THUẾ
HỘI ĐỒNG THI CẤP CCHNDV
LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ NĂM 2020

KẾT QUẢ THI CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ LÀM THỦ TỤC VỀ THUẾ KỲ 1 NĂM 2020
Điểm thi: TP. Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 83./QĐ-HĐT ngày 21 tháng 07 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế năm 2020)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
1	HCM0001	Nguyễn Thị Như An	Nữ	20-06-1986	250604067	2.5	3.8
2	HCM0002	Trần Văn An	Nam	28-04-1980	044080000275	1.4	7
3	HCM0004	Hà Thị Kim Anh	Nữ	20-12-1985	023790380	3.6	4.1
4	HCM0006	Lương Thị Kim Anh	Nữ	21-04-1988	280918851	3.6	5
5	HCM0007	Kiều Thị Kim Anh	Nữ	12-07-1992	250883085	4.6	3.5
6	HCM0008	Phan Thị Kiều Anh	Nữ	10-01-1987	245005850	1.9	1.8
7	HCM0009	Nguyễn Hà Anh	Nữ	04-08-1992	024720384	4.6	6.8
8	HCM0010	Lê Hải Âu	Nữ	02-08-1995	312313244	6	8.8
9	HCM0011	Hà Thị Bé Ba	Nữ	06-04-1993	215206031	2.8	2.3
10	HCM0015	Lê Viết Bi Bo	Nam	02-05-1993	241407082	2.8	3.1
11	HCM0017	Lê Ngọc Kim Chi	Nữ	19-01-1977	023125236	2.7	5.5
12	HCM0019	Bùi Văn Chi	Nam	12-01-1972	023340596	3	3
13	HCM0020	Ngô Thị Quế Chi	Nữ	04-09-1992	215277837	2.7	8.6
14	HCM0022	Tô Tiến Chuyên	Nam	20-07-1985	052085000256	2.3	4.3
15	HCM0023	Nguyễn Cao Cường	Nam	02-01-1984	271744211	3.1	
16	HCM0024	Phạm Quốc Cường	Nam	16-04-1992	341661037	4.3	7.9
17	HCM0025	Nguyễn Ngọc Lam Đa	Nữ	29-06-1990	221214768	3.8	6.1
18	HCM0026	Nguyễn Thị Ngọc Dân	Nữ	09-07-1994	261331229	2.8	5
19	HCM0027	Đỗ Văn Danh	Nam	02-07-1991	21536341	4.7	5
20	HCM0028	Lâm Xuân Đào	Nữ	07-10-1986	201521933	4.4	7.8
21	HCM0029	Châu Nảo Văn Đạt	Nam	23-11-1988	264328846	1.1	1.8
22	HCM0030	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	27-04-1990	191706370	4.7	
23	HCM0031	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nữ	23-09-1984	221423876	2	0.5
24	HCM0034	Phạm Văn Định	Nam	01-04-1989	301301701	5.7	6.4
25	HCM0035	Bùi Thị Thanh Dung	Nữ	04-10-1994	164536257	2	1.9
26	HCM0037	Nguyễn Chí Dũng	Nam	18-10-1994	261389163	3.2	5
27	HCM0038	Phạm Xuân Dũng	Nam	24-11-1995	241499600	4.5	6

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
28	HCM0039	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	09-08-1995	291107458	3.2	
29	HCM0040	Trần Hoàng Duy	Nam	28-09-1981	301044009	2.8	6.8
30	HCM0041	Nguyễn Mạnh Duy	Nam	12-08-1990	024319298	3.8	1.3
31	HCM0043	Hoàng Thị Hoài Duyên	Nữ	27-02-1986	271869144	5	8.4
32	HCM0044	Phan Mỹ Duyên	Nữ	28-12-1993	230852277	3.5	7.5
33	HCM0046	Trương Hồng Gấm	Nữ	11-02-1987	381522275	2.6	5.6
34	HCM0048	Hoàng Thị Hồng Hà	Nữ	12-05-1989	250759437	3.3	
35	HCM0050	Nguyễn Thái Hà	Nam	10-02-1972	024727578	3.4	5.1
36	HCM0051	Nguyễn Huỳnh Nhật Hạ	Nữ	12-05-1992	C2559533	5.2	6.3
37	HCM0053	Vũ Thị Hải	Nữ	15-07-1979	025050468	5.1	6
38	HCM0054	Phạm Xuân Huân	Nam	19-11-1977	058077000023	1	3.5
39	HCM0055	Nguyễn Minh Hân	Nữ	24-09-1976	079176004065	3	3.3
40	HCM0056	Lê Thị Thanh Hằng	Nữ	10-02-1986	225578380	3.1	5.5
41	HCM0057	Hoàng Thị Hằng	Nữ	12-05-1993	040193001084	5.7	6.5
42	HCM0059	Hồ Thị Hảo	Nữ	07-06-1994	241463371	3.4	3.6
43	HCM0060	Võ Thị Ngọc Hiền	Nữ	07-06-1992	321441291	5.5	7.1
44	HCM0061	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	02-03-1989	273381781	3	3.5
45	HCM0062	Vương Thị Hiền	Nữ	13-07-1992	C3822685	3.3	5.4
46	HCM0064	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	19-05-1990	271918233	3.8	4.4
47	HCM0065	Dương Thị Hiền	Nữ	06-04-1992	281305375	3.4	6.4
48	HCM0067	Đinh Công Hiển	Nam	08-09-1995	363850374	1.9	3.6
49	HCM0068	Nguyễn Thụy Minh Hiếu	Nữ	28-09-1989	024277359	4.2	4.4
50	HCM0069	Nguyễn Thị Bích Hòa	Nữ	08-04-1991	221299418	3.2	
51	HCM0070	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	06-09-1994	241442846	4.1	6
52	HCM0071	Lê Như Hoài	Nam	15-05-1989	191662074	5	6
53	HCM0072	Lê Thị Bích Hoàn	Nữ	16-10-1993	273564298	3.8	2.1
54	HCM0074	Trần Thị Kim Huệ	Nữ	28-04-1995	212710841	3	5.8
55	HCM0075	Huỳnh Thanh Hùng	Nam	01-01-1993	334837085	1.4	5.1
56	HCM0076	Nguyễn Phi Hùng	Nam	09-12-1996	272486561	1.8	5.4
57	HCM0078	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ	14-09-1995	212275685	3.5	5.8
58	HCM0081	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	10-09-1988	240914296	5	7.9
59	HCM0083	Phan Đường Bảo Khuyên	Nữ	03-10-1974	260702343	3.6	4

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
60	HCM0085	Nguyễn Thị Thanh Lan	Nữ	03-05-1993	273451911	2.2	3.6
61	HCM0086	Lê Thị Ngọc Lan	Nữ	10-11-1995	281083867	3.8	2
62	HCM0087	Trần Thị Thanh Lan	Nữ	02-02-1993	285273473	4.6	5.9
63	HCM0088	Từ Tú Lan	Nữ	28-09-1995	025317230	3.9	6.8
64	HCM0090	Nguyễn Phan Quyên Lệ	Nữ	12-09-1988	212689947	3.7	5
65	HCM0091	Phạm Thị Lệ	Nữ	17-12-1995	272383605	3	5
66	HCM0095	Nguyễn Văn Linh	Nam	04-04-1993	363675909	2.4	
67	HCM0097	Nguyễn Thị Thanh Linh	Nữ	01-12-1994	197324713	5.6	5.6
68	HCM0098	Phan Thị Linh	Nữ	14-05-1995	272589119	4.5	4
69	HCM0099	Trần Phương Linh	Nữ	20-06-1994	241393682	2.8	6.5
70	HCM0100	Trần Văn Linh	Nam	20-02-1987	215073955	1.7	2
71	HCM0101	Phan Thị Thùy Linh	Nữ	20-06-1984	205084170	3.4	5
72	HCM0102	Hoàng Ngọc Loan	Nữ	07-08-1982	280793209	2.6	3
73	HCM0103	Nguyễn Thị Cẩm Loan	Nữ	12-01-1994	301510701	2.7	3.5
74	HCM0104	Võ Thị Kim Loan	Nữ	10-06-1991	221287218	3.9	3.5
75	HCM0105	Nguyễn Hữu Lộc	Nam	06-06-1993	281037484	2.8	6.8
76	HCM0106	Nguyễn Thành Long	Nam	09-11-1965	024777882	4.1	4.9
77	HCM0107	Hồ Thị Thảo Ly	Nữ	28-06-1994	272285846	3.8	7.1
78	HCM0110	Ngô Thị Mận	Nữ	04-10-1990	212252899	5.1	4.5
79	HCM0111	Phan Tuấn Minh	Nam	10-02-1985	381291874	3.5	5.8
80	HCM0114	Võ Thị Diễm My	Nữ	15-06-1991	363602344	3.2	1.5
81	HCM0115	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	10-07-1984	201478728	2	2.3
82	HCM0116	Trần Lê Na	Nữ	13-03-1988	024442195	3.6	
83	HCM0118	Nguyễn Hồng Nam	Nam	04-01-1995	241586318	3.7	7.4
84	HCM0119	Huỳnh Thị Hồng Ngân	Nữ	00-00-1993	334741530	4.6	
85	HCM0121	Đặng Ngọc Ngân	Nữ	27-11-1994	312216870	3.2	6.8
86	HCM0122	Nguyễn Hồng Phương Nghi	Nữ	13-05-1993	079193005999	4.3	2.6
87	HCM0123	Lê Hữu Nghĩa	Nam	21-09-1995	301544137	3.8	7
88	HCM0124	Lê Hiền Nghĩa	Nam	09-12-1994	079094000511	5.5	4.3
89	HCM0125	Phan Thị Ngọc	Nữ	22-05-1988	366145305	0.8	5
90	HCM0126	Bùi Thị Kim Ngọc	Nữ	06-09-1993	072193000500	4.6	4.1
91	HCM0129	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	30-06-1982	271728457	1.6	3.8

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
92	HCM0131	Lê Minh Nguyên	Nam	29-07-1980	280770265	2.6	3.5
93	HCM0132	Nguyễn Kim Hải Nguyên	Nữ	22-04-1990	331577170	2.5	3.8
94	HCM0133	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	27-11-1994	080194000189	3.8	8.4
95	HCM0134	Nguyễn Tố Nhân	Nam	02-02-1982	023427458	3	3.5
96	HCM0135	Nguyễn Thị Nhạn	Nữ	09-10-1992	197272139	6.7	7.8
97	HCM0136	Hoàng Thị Thúy Nhi	Nữ	05-12-1992	241244949	3.3	2.3
98	HCM0137	Lê Thảo Nhi	Nữ	16-10-1991	024517547	3.3	7.4
99	HCM0138	Nguyễn Thị Ý Nhi	Nữ	10-10-1969	025178565	4.2	3.3
100	HCM0139	Võ Nữ Kim Như	Nữ	23-01-1986	225315628	3.4	
101	HCM0140	Ngô Thị Huỳnh Như	Nữ	29-03-1981	025598861	2.7	2.5
102	HCM0141	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	01-03-1990	273637110	3.3	5.5
103	HCM0142	Lê Phạm Tú Như	Nữ	26-09-1995	301529630	4.7	3.8
104	HCM0143	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	12-09-1995	072195001441	5	8.1
105	HCM0144	Lê Thị Tuyết Nhung	Nữ	02-01-1984	049184000056	3	5
106	HCM0146	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Nữ	00-00-1986	363831149	1.9	3.8
107	HCM0147	Lưu Văn Pháp	Nam	02-09-1982	264196347	2.5	6.1
108	HCM0149	Nguyễn Thị Hồng Phúc	Nữ	21-08-1994	215322875	1.2	6
109	HCM0150	Bùi Thị Phước	Nữ	05-08-1987	212554414	3.5	2.6
110	HCM0151	Nguyễn Văn Phương	Nam	20-10-1986	381235957	3.6	2.3
111	HCM0153	Võ Minh Phương	Nữ	28-04-1993	385567857	4.4	7.5
112	HCM0155	Nguyễn Thị Minh Phương	Nữ	31-10-1995	168540600	4.1	4.8
113	HCM0156	Nguyễn Thị Thùy Phương	Nữ	22-08-1982	311685685	4.3	5.3
114	HCM0157	Vũ Thị Phượng	Nữ	19-01-1980	037180000009	3.2	
115	HCM0158	Hà Thị Phượng	Nữ	00-00-1986	281134371	2.5	7.4
116	HCM0160	Phan Thị Cẩm Quyên	Nữ	26-02-1981	361898802	3.7	4.4
117	HCM0161	Lê Thị Thanh Quyền	Nữ	12-03-1990	221269245	3.2	3
118	HCM0164	Nguyễn Ngọc Sang	Nam	19-05-1991	233127592	3.9	
119	HCM0165	Biện Thị Sáng	Nữ	18-06-1987	072187002664	3.3	
120	HCM0167	Nguyễn Thị Thảo Sương	Nữ	01-01-1987	025969124	5.2	4
121	HCM0169	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	01-08-1991	077191000846	3.2	6
122	HCM0170	Nguyễn Hảo Tân	Nam	24-08-1992	225523414	4.3	7.5
123	HCM0171	Trương Văn Tân	Nam	14-09-1982	025842375	5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
124	HCM0173	Phạm Thị Kim Thắm	Nữ	02-03-1993	212326183	4.8	3.3
125	HCM0175	Lương Thị Thắm	Nữ	25-04-1991	280946991	4.3	2.4
126	HCM0176	Phạm Quốc Thắng	Nam	06-01-1987	341257426	3.2	7.4
127	HCM0177	Kiều Thị Thanh	Nữ	17-11-1989	205442743	5	7.5
128	HCM0178	Trần Hàn Huệ Thanh	Nữ	07-05-1995	197345692	5.3	6.1
129	HCM0180	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	12-04-1987	038187017970	4	
130	HCM0181	Nguyễn Chí Thanh	Nam	08-07-1992	281282125	3	4.3
131	HCM0183	Hoàng Thị Phương Thảo	Nữ	18-10-1985	273152445	1.9	1.8
132	HCM0185	Trịnh Thu Thảo	Nữ	11-01-1994	092194002821	2.6	3.3
133	HCM0187	Lý Đỗ Thị Phương Thảo	Nữ	01-07-1995	212766635	1.7	
134	HCM0188	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	16-08-1995	371628228	2.9	7
135	HCM0190	Nguyễn Phạm Vân Thi	Nữ	27-01-1977	024849484	2.9	
136	HCM0191	Nguyễn Kim Thi	Nữ	06-11-1985	082185000326	1.5	4.3
137	HCM0193	Ngô Đăng Thịnh	Nam	18-08-1993	184086395	4.3	5
138	HCM0196	Hoàng Thị Diễm Thu	Nữ	25-04-1991	261298030	3.8	5
139	HCM0198	Nguyễn Thị Ninh Thu	Nữ	10-06-1990	036190007458	2	4.5
140	HCM0203	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	18-04-1982	205057353	3.9	8.4
141	HCM0206	Nguyễn Thị Kim Thùy	Nữ	03-01-1995	212475311	5.3	8.3
142	HCM0207	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	24-01-1974	024918823	1.3	1.5
143	HCM0208	Võ Thị Thủy	Nữ	08-01-1990	290923431	3.4	6.6
144	HCM0209	Trần Thị Ngọc Thủy	Nữ	05-06-1991	371387139	3.8	5
145	HCM0211	Nguyễn Cẩm Tiên	Nữ	07-05-1991	381519658	4.4	2.3
146	HCM0212	Lâm Đình Tiến	Nam	01-01-1995	212470503	3.2	7.6
147	HCM0213	Đỗ Thị Thanh Trà	Nữ	20-02-1993	212260925	3.4	7.3
148	HCM0215	Lê Thị Ngọc Trâm	Nữ	05-05-1994	272230307	4.4	6.5
149	HCM0216	Lê Thị Hồng Trâm	Nữ	01-08-1995	212668505	5.7	5
150	HCM0218	Phạm Thị Kiều Trâm	Nữ	31-10-1994	025080488	6.1	5.8
151	HCM0219	Trình Thụy Như Trân	Nữ	09-10-1985	264268245	2	5.1
152	HCM0220	Huỳnh Thị Thu Trang	Nữ	26-08-1987	272027920	4.1	3.5
153	HCM0221	Lê Thị Đài Trang	Nữ	12-09-1990	215181092	2.2	4.3
154	HCM0222	Đoàn Thị Thu Trang	Nữ	10-06-1978	025675680	2.6	3.5
155	HCM0223	Trần Thị Diễm Trang	Nữ	21-03-1992	312106331	2.7	6.3

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
156	HCM0224	Nguyễn Nguyễn Hiền Trang	Nữ	24-10-1996	079196002835	2.8	
157	HCM0227	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	18-06-1993	230905419	4.3	5.6
158	HCM0228	Trương Thị Thùy Trang	Nữ	01-01-1990	215139946	2.3	6.5
159	HCM0231	Lê Thị Thanh Trinh	Nữ	14-12-1979	023119421	4.6	5.3
160	HCM0232	Trần Thị Việt Trinh	Nữ	17-09-1993	261270777	3.3	5.5
161	HCM0233	Phan Thị Thanh Trúc	Nữ	18-08-1994	191831250	4.4	5.1
162	HCM0234	Lê Nguyễn Ngọc Trúc	Nữ	19-12-1995	281358514	2.4	2.5
163	HCM0235	Nguyễn Hoàng Trúc	Nam	20-10-1990	261223043	2.1	5.1
164	HCM0236	Lê Thanh Trúc	Nữ	00-00-1984	291168910	4.1	4.3
165	HCM0239	Nguyễn Vũ Trường	Nam	17-10-1995	261351916	4.5	3.6
166	HCM0240	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	08-09-1995	291167970	3.1	2.8
167	HCM0241	Dương Văn Tưởng	Nam	05-05-1993	215243621	1.3	2.6
168	HCM0242	Trần Văn Tựu	Nam	00-00-1986	365589486	2.4	3
169	HCM0243	Đặng Hồng Tuyên	Nam	28-10-1980	025920134	3.2	4.4
170	HCM0244	Nguyễn Hoài Uyên	Nữ	06-11-1993	C3758267	5.2	4
171	HCM0245	Trương Đức Uyên	Nữ	30-12-1984	301165199	3.3	3.5
172	HCM0246	Phạm Thị Thanh Vân	Nữ	15-10-1991	024726749	2.9	5.8
173	HCM0248	Lê Thị Mỹ Vân	Nữ	29-01-1985	312587251	3.8	3.8
174	HCM0251	Đặng Ngọc Vinh	Nam	09-02-1978	211571076	2.1	5.6
175	HCM0252	Trần Tuấn Vũ	Nam	01-01-1989	280943842	2.9	2.5
176	HCM0253	Thạch Đông Vũ	Nam	08-01-1994	281035558	4.3	3.3
177	HCM0254	Bùi Tuấn Vũ	Nam	19-03-1988	276026572	2.4	4.5
178	HCM0258	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	25-09-1996	C4686001	0.7	2.4
179	HCM0259	Hồ Thị Xoan	Nữ	18-10-1992	183831289	3.2	5.1
180	HCM0260	Thái Thanh Xuân	Nam	31-07-1992	197268162	5.3	5.6
181	HCM0261	Trần Thị Nhật Xuân	Nữ	05-02-1995	184216806	3.4	7.4
182	HCM0262	Phạm Lê Thanh Xuân	Nữ	17-08-1991	079191006108	4.6	3.8
183	HCM0263	Ngô Như Ý	Nữ	01-09-1985	250723719	2.2	5.9
184	HCM0264	Huỳnh Thị Như Ý	Nữ	23-09-1994	212272044	2.9	3.9
185	HCM0267	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	28-04-1993	037193001611	2	3.9
186	HCM0268	Nguyễn Thị Kim Yến	Nữ	22-08-1989	025567391	3.7	2.5
187	HCM0269	Nguyễn Thị Diễm Ái	Nữ	06-01-1992	212656474	4.4	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
188	HCM0270	Lê Hữu Trường An	Nam	21-08-1994	321485885	5	
189	HCM0273	Hà Bảo An	Nam	24-08-1989	334521965	2.5	
190	HCM0275	Võ Long Ấn	Nam	12-04-1982	026018704	2.4	
191	HCM0276	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	23-08-1992	038192000973	4	
192	HCM0277	Phạm Kim Anh	Nữ	17-08-1982	026021858	5	
193	HCM0278	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	26-02-1981	225691293	3.5	
194	HCM0279	Lê Thị Nguyên Anh	Nữ	08-10-1992	215221173	3.7	
195	HCM0280	Lê Thị Việt Anh	Nữ	24-12-1975	280933586	5.4	
196	HCM0281	Phùng Tuấn Anh	Nam	19-11-1977	034077008958	2.5	
197	HCM0282	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	14-11-1971	111162238	3.2	
198	HCM0283	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	06-11-1988	183580015	4	
199	HCM0284	Tăng Vân Anh	Nữ	22-01-1987	004187000129	3.2	
200	HCM0285	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	25-02-1993	250948153	3.3	
201	HCM0286	Nguyễn Ngọc Vân Anh	Nữ	00-00-1979	370322789	5.6	
202	HCM0288	Trần Thị Bửu Anh	Nữ	15-12-1987	381437180	3.4	
203	HCM0289	Lê Nguyễn Kim Anh	Nữ	13-10-1989	271841633	3.1	
204	HCM0290	Nguyễn Phương Anh	Nữ	07-12-1989	058189000138	4.2	
205	HCM0292	Vy Văn Anh	Nam	20-09-1988	221220090	3.5	
206	HCM0293	Nguyễn Thị Kim Ánh	Nữ	16-02-1986	280863131	1.7	
207	HCM0294	Trần Thị Kim Ánh	Nữ	15-09-1989	241113963	3.4	
208	HCM0295	Võ Thị Ngọc Ánh	Nữ	27-10-1978	300896246	2.6	
209	HCM0296	Nguyễn Thị Thu Ảnh	Nữ	04-01-1979	211601797	3.9	
210	HCM0297	Nguyễn Ngọc Ba	Nam	01-01-1983	201760206	0.6	
211	HCM0298	Lê Công Bằng	Nam	15-11-1990	331691255	1.7	
212	HCM0299	Trần Hoài Bảo	Nam	24-09-1987	371042108	2	
213	HCM0300	Tiêu Thị Ngọc Bích	Nữ	21-12-1990	079190012318	6	
214	HCM0301	Võ Thị Bích	Nữ	04-04-1984	093184000198	2.1	
215	HCM0302	Lê Nguyễn Ngọc Bích	Nữ	08-12-1992	079192010670	4.1	
216	HCM0303	Lê Thanh Bình	Nam	06-08-1990	261233046	1.5	
217	HCM0304	Mã Văn Bình	Nam	04-10-1985	023846526	3.5	
218	HCM0305	Mai Thanh Bình	Nữ	01-01-1987	331492486	4.2	
219	HCM0306	Nguyễn Văn Bình	Nam	27-06-1982	172127339	2.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
220	HCM0307	Yên Văn Buôl	Nam	02-06-1990	381486370	2.7	
221	HCM0308	Nguyễn Thị Minh Cầm	Nữ	02-11-1981	012032939	5.2	
222	HCM0309	Võ Thành Cay	Nam	01-01-1976	311420047	3.5	
223	HCM0310	Trần Ngọc Chân	Nữ	23-09-1974	023160156	2.4	
224	HCM0311	Trần Nguyễn Vân Châu	Nữ	24-07-1987	023985062	4.5	
225	HCM0312	Hồ Đắc Thị Quỳnh Chi	Nữ	25-02-1987	285087340	3.2	
226	HCM0314	Đặng Diễm Chi	Nữ	08-06-1991	026093082	3.7	
227	HCM0315	Huỳnh Kiều Chinh	Nữ	00-00-1989	334515149	4.8	
228	HCM0317	Võ Tiến Công	Nam	30-12-1991	052091000067	3.2	
229	HCM0318	Nguyễn Thanh Cúc	Nữ	15-09-1980	025103848	2.8	
230	HCM0319	Trần Việt Cường	Nam	15-11-1982	271455316	2.5	
231	HCM0321	Nguyễn Tuấn Cường	Nam	09-07-1988	080088000014	2.3	
232	HCM0322	Phan Thị Thuỳ Đan	Nữ	06-09-1983	221089015	3.1	
233	HCM0323	Trần Hải Đăng	Nam	10-11-1975	211542104	3.8	
234	HCM0324	Đỗ Bích Đào	Nữ	15-12-1985	025451364	3	
235	HCM0326	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	00-00-1983	365371547	2.7	
236	HCM0327	Hồ Quốc Đến	Nam	09-02-1990	381494344	1.9	
237	HCM0328	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	15-11-1991	215227815	3	
238	HCM0330	Nguyễn Thao Diễn	Nam	23-02-1976	064076000009	2.3	
239	HCM0331	Võ Thị Điệp	Nữ	24-10-1989	250724164	3	
240	HCM0333	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	Nữ	27-04-1986	321201528	3.5	
241	HCM0334	Trần Thị Mộng Diệu	Nữ	01-01-1983	211740314	2.1	
242	HCM0336	Dương Thị Tân Định	Nữ	10-03-1990	C7334129	5	
243	HCM0337	Nguyễn Thị Hoài Đông	Nữ	18-06-1988	024853256	5.6	
244	HCM0338	Huỳnh Minh Đức	Nam	19-12-1983	079083004854	2	
245	HCM0339	Trần Minh Đức	Nam	07-10-1991	024719059	4.7	
246	HCM0340	Ngô Thị Thùy Dung	Nữ	22-06-1987	051187000539	5	
247	HCM0341	Lê Thị Vân Dung	Nữ	23-05-1979	024776227	3.5	
248	HCM0343	Hoàng Quỳnh Ngọc Dung	Nữ	29-08-1987	271803724	3.5	
249	HCM0344	Lê Phương Dung	Nữ	30-12-1982	025869536	2.7	
250	HCM0346	Trần Thị Mỹ Dung	Nữ	18-08-1985	225312506	3.2	
251	HCM0347	Huỳnh Thị Thùy Dung	Nữ	20-05-1989	271910008	4.4	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
252	HCM0348	Nguyễn Lê Dung	Nữ	04-11-1993	215199055	3.3	
253	HCM0349	Nguyễn Đỗ Thuỳ Dung	Nữ	06-11-1990	024906739	5.1	
254	HCM0350	Lê Thị Dung	Nữ	20-04-1984	281274153	1.8	
255	HCM0351	Đỗ Thị Ngọc Dung	Nữ	17-12-1990	273304164	3.6	
256	HCM0354	Nguyễn Thị Hạnh Dung	Nữ	14-08-1982	280787821	2.4	
257	HCM0355	Lâm Thanh Dũng	Nam	02-01-1978	272629043	4.1	
258	HCM0356	Nguyễn Thế Dũng	Nam	11-11-1992	024915808	4.5	
259	HCM0357	Huỳnh Văn Dũng	Nam	14-07-1973	023432028	3.4	
260	HCM0358	Nguyễn Thị Được	Nữ	04-08-1964	250182858	3.4	
261	HCM0359	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	15-04-1982	281048846	3.4	
262	HCM0360	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	19-02-1993	280985826	3.6	
263	HCM0361	Đỗ Thị Thùy Dương	Nữ	11-08-1984	023789864	3.1	
264	HCM0362	Võ Tấn Duy	Nam	27-09-1987	341410322	2.8	
265	HCM0363	Ong Thị Duyên	Nữ	30-09-1990	025879773	2.6	
266	HCM0364	Vũ Thị Duyên	Nữ	13-11-1980	034180007770	3.2	
267	HCM0365	Phan Thị Gấm	Nữ	20-04-1984	290743079	2	
268	HCM0366	Cao Thị Thùy Giang	Nữ	31-08-1992	038192010640	4.1	
269	HCM0367	Trần Thị Lam Giang	Nữ	07-04-1972	040172000451	3.6	
270	HCM0368	Tạ Trường Giang	Nam	29-06-1990	334553385	4.5	
271	HCM0371	Trần Thị Hà	Nữ	05-07-1987	040187000830	3.1	
272	HCM0372	Ngô Thị Thu Hà	Nữ	06-07-1992	212660013	4.1	
273	HCM0373	Trần Thị Minh Hà	Nữ	02-10-1994	231026262	3.7	
274	HCM0374	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	29-07-1976	271389793	4.2	
275	HCM0375	Thái Thị Hai	Nữ	27-04-1977	023767898	5.1	
276	HCM0377	Hoàng Thị Hải	Nữ	06-11-1993	187309950	3.3	
277	HCM0378	Đoàn Thị Thanh Hải	Nữ	16-07-1992	241360619	2.8	
278	HCM0379	Trần Ngô Thị Bích Hân	Nữ	12-03-1978	211672789	2.4	
279	HCM0380	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	09-04-1987	261028189	0.3	
280	HCM0381	Hồ Thị Ngọc Hân	Nữ	10-09-1989	273320307	5	
281	HCM0382	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	06-08-1990	352001528	3.1	
282	HCM0384	Hồ Thị Mỹ Hằng	Nữ	28-09-1991	241171951	4.8	
283	HCM0386	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Nữ	04-03-1988	024249938	2.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
284	HCM0387	Thạch Thị Mỹ Hằng	Nữ	01-05-1989	334447846	2.1	
285	HCM0388	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	26-05-1983	024947794	2.9	
286	HCM0389	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Nữ	15-06-1981	280721640	2.4	
287	HCM0390	Thái Thị Hạnh	Nữ	14-11-1986	024913425	3.7	
288	HCM0391	Đỗ Thị Hạnh	Nữ	28-03-1981	031062930	5.6	
289	HCM0393	Lê Thị Hạnh	Nữ	31-01-1992	250903450	3.2	
290	HCM0394	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	07-08-1992	215208840	5	
291	HCM0395	Lại Ngọc Hạnh	Nữ	14-10-1987	341304924	2.8	
292	HCM0396	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	20-03-1984	272794101	2.5	
293	HCM0397	Trần Thị Xuân Hảo	Nữ	20-04-1994	221369266	3.3	
294	HCM0398	Trần Thị Thanh Hảo	Nữ	09-06-1992	187179073	2.7	
295	HCM0399	Đào Văn Hảo	Nam	31-01-1987	024167530	4.8	
296	HCM0400	Trần Văn Hảo	Nam	10-05-1977	052077000355	2.2	
297	HCM0401	Trần Văn Hậu	Nam	18-05-1990	038090007312	4.4	
298	HCM0403	Lê Ngọc Hiền	Nữ	09-08-1988	201559942	4.5	
299	HCM0404	Đặng Thị Hiền	Nữ	24-04-1983	025911512	4	
300	HCM0405	Mai Thanh Hiền	Nữ	06-05-1988	024504191	5	
301	HCM0406	Nguyễn Thị Diệu Hiền	Nữ	20-12-1986	211869523	3.7	
302	HCM0407	Trần Thị Hiền	Nữ	21-04-1988	038188000560	4.4	
303	HCM0409	Lê Phương Ngọc Hiền	Nữ	27-12-1989	371317062	6.3	
304	HCM0410	Đoàn Thị Như Hiền	Nữ	18-04-1984	023587059	5	
305	HCM0411	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	25-01-1991	225352658	4.6	
306	HCM0412	Phạm Thị Hiền	Nữ	20-05-1990	186903889	5.2	
307	HCM0413	Nguyễn Bảo Hiếu	Nam	18-05-1990	273351131	3.7	
308	HCM0414	Nguyễn Năng Hiếu	Nam	20-04-1990	186874416	1.2	
309	HCM0415	Nguyễn Thị Xuân Hiếu	Nữ	02-03-1983	211784176	4.4	
310	HCM0416	Hoàng Thị Hoa	Nữ	20-10-1990	173606943	3.9	
311	HCM0417	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	05-05-1984	025317490	3.4	
312	HCM0418	Đoàn Thanh Hoa	Nữ	20-06-1981	341049833	3	
313	HCM0419	Phan Thị Hoa	Nữ	29-06-1985	211860678	2.7	
314	HCM0421	Hồng Gia Hoa	Nữ	30-09-1979	023447529	4.2	
315	HCM0422	Nguyễn Thị Lan Hoa	Nữ	10-08-1995	077195002003	3.3	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
316	HCM0423	Lê Thị Thúy Hoa	Nữ	26-03-1989	080189000645	3.6	
317	HCM0424	Huỳnh Tấn Hoà	Nam	00-00-1972	290474300	5.1	
318	HCM0425	Ngô Minh Hoà	Nam	07-04-1991	072091004651	2.4	
319	HCM0426	Phan Thu Hoà	Nữ	08-12-1978	023382380	5.2	
320	HCM0428	Huỳnh Văn Hòa	Nam	10-04-1993	215206415	4.4	
321	HCM0429	Huỳnh Thị Phương Hoài	Nữ	12-10-1985	264266811	4.1	
322	HCM0430	Võ Thanh Hoài	Nam	19-04-1985	026037689	1.7	
323	HCM0431	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	25-07-1991	163085367	5.2	
324	HCM0432	Trần Thị Thu Hoài	Nữ	04-03-1989	273311302	4.5	
325	HCM0433	Triệu Bảo Hoàng	Nam	20-10-1977	084077000042	3	
326	HCM0434	Đỗ Thị Học	Nữ	10-12-1992	215213157	2.9	
327	HCM0435	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Nữ	20-07-1982	025765225	3.6	
328	HCM0436	Nguyễn Thị Kim Hồng	Nữ	17-10-1963	220124339	4.4	
329	HCM0437	Phan Thị Kim Hồng	Nữ	26-04-1989	072189004576	3.2	
330	HCM0439	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	12-06-1986	024186000617	3.4	
331	HCM0440	Bùi Thị Xuân Hồng	Nữ	01-09-1981	025882780	2.5	
332	HCM0442	Đỗ Thị Hồng	Nữ	15-01-1987	264418214	3.8	
333	HCM0443	Hoàng Thị Thuý Hợp	Nữ	01-09-1983	164161544	4.1	
334	HCM0444	Nguyễn Hữu Hợp	Nam	08-05-1983	145039055	3.7	
335	HCM0445	Nguyễn Thị Hợp	Nữ	19-01-1983	024934934	3	
336	HCM0446	Hà Phúc Huân	Nam	20-11-1990	030090003575	2.9	
337	HCM0447	Lương Thị Bích Huệ	Nữ	17-04-1988	240960700	5.2	
338	HCM0449	Cao Thị Bích Huệ	Nữ	28-04-1992	212255421	2.6	
339	HCM0450	Lữ Thanh Hùng	Nam	14-11-1983	023673711	3.8	
340	HCM0451	Phạm Kim Hùng	Nam	26-04-1981	225499117	3.2	
341	HCM0452	Lâm Văn Hùng	Nam	01-03-1967	290367811	3.2	
342	HCM0453	Trần Ngọc Hùng	Nam	09-09-1994	225653483	3.3	
343	HCM0454	Võ Mạnh Hùng	Nam	12-03-1967	035067001759	2.4	
344	HCM0455	Nguyễn Ngọc Hưng	Nam	08-12-1980	023477232	4.5	
345	HCM0456	Nguyễn Thanh Hương	Nữ	13-07-1990	271986589	3.7	
346	HCM0457	Nguyễn Thị Kim Hường	Nữ	17-06-1994	250908784	2.4	
347	HCM0458	Huỳnh Thị Thiên Hương	Nữ	20-09-1988	215021708	4.1	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
348	HCM0459	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	01-02-1990	264326609	3.4	
349	HCM0460	Lê Thị Lệ Thanh Hương	Nữ	20-01-1982	211731578	5	
350	HCM0461	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14-12-1983	321611992	4.5	
351	HCM0462	Lê Thị Mai Hương	Nữ	09-05-1982	285016656	2.8	
352	HCM0463	Bạch Thị Lan Hương	Nữ	30-09-1984	034184011337	3.6	
353	HCM0465	Hoàng Thị Trà Hương	Nữ	06-11-1983	273158003	4.2	
354	HCM0468	Nguyễn Thị Hường	Nữ	25-01-1992	212656544	3.4	
355	HCM0470	Mai Lệ Huyền	Nữ	19-12-1976	096176000039	5.5	
356	HCM0471	Phạm Thị Huyền	Nữ	15-01-1995	205746332	5.4	
357	HCM0472	Huỳnh Thị Thúy Huyền	Nữ	02-01-1992	225528124	3.2	
358	HCM0473	Nguyễn Đặng Thị Thanh Hu	Nữ	18-02-1990	301320861	5	
359	HCM0474	Hồ Thị Huyền	Nữ	30-08-1992	212494977	6.2	
360	HCM0476	La Nguyễn Diệp Khanh	Nữ	25-04-1978	023094271	2.9	
361	HCM0477	Nguyễn Bão Khanh	Nữ	27-07-1991	024744679	3.8	
362	HCM0479	Nguyễn Thị Kiêm Khê	Nữ	29-10-1988	311968533	4.5	
363	HCM0480	Hồ Văn Anh Khoa	Nam	03-02-1994	250907247	5.4	
364	HCM0481	Lại Thị Kim Khuê	Nữ	00-00-1977	025768610	3	
365	HCM0482	Bùi Thị Khuyên	Nữ	04-10-1988	201871481	4.2	
366	HCM0483	Nguyễn Thị Kiển	Nữ	00-00-1988	280898805	3.3	
367	HCM0486	Nguyễn Thị Lâm	Nữ	02-08-1985	025482674	4.3	
368	HCM0487	Nguyễn Thị Hạnh Lâm	Nữ	22-12-1984	290821576	3.5	
369	HCM0488	Nguyễn Thị Xuân Lan	Nữ	07-04-1974	093174000177	2.1	
370	HCM0489	Hoàng Thị Thu Lan	Nữ	10-08-1981	273096287	1.9	
371	HCM0490	Thân Thị Thanh Lan	Nữ	28-06-1983	271487482	4.4	
372	HCM0491	Châu Hảo Lan	Nữ	09-04-1976	022777664	2.7	
373	HCM0492	Phạm Hoàng Lan	Nữ	00-00-1984	301159683	2.7	
374	HCM0493	Lê Thị Lan	Nữ	12-10-1989	173601713	3.5	
375	HCM0495	Lê Thị Lanh	Nữ	12-06-1984	241876999	3	
376	HCM0497	Lê Văn Láy	Nam	09-08-1988	363555919	1	
377	HCM0499	Trần Thị Lê	Nữ	09-12-1984	272795756	2.5	
378	HCM0500	Tống Thị Cẩm Lê	Nữ	08-07-1991	038191005879	5	
379	HCM0501	Võ Thị Như Lệ	Nữ	01-01-1987	205375116	2	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
380	HCM0502	Phạm Thị Y Lênh	Nữ	03-02-1991	272225243	4.2	
381	HCM0504	Lưu Bích Liên	Nữ	25-12-1979	025748195	3.1	
382	HCM0505	Trần Thị Bích Liên	Nữ	25-07-1991	381501664	5	
383	HCM0506	Hà Thị Liên	Nữ	14-07-1987	250675953	3.6	
384	HCM0507	Nguyễn Thị Bích Liên	Nữ	22-08-1986	025530145	5.9	
385	HCM0508	Nguyễn Thị Bích Liên	Nữ	01-05-1990	221213883	5.1	
386	HCM0509	Đồng Minh Liệt	Nam	29-09-1982	371092520	4.2	
387	HCM0510	Trương Thị Linh	Nữ	02-11-1993	212761047	4.3	
388	HCM0511	Đoàn Lê Thùy Linh	Nữ	18-09-1965	079165004382	4.4	
389	HCM0512	Huỳnh Thị Thùy Linh	Nữ	14-11-1986	079186015554	4.4	
390	HCM0513	Võ Thùy Linh	Nữ	21-05-1994	215327107	2.8	
391	HCM0514	Hồ Phương Hồng Linh	Nữ	26-09-1991	225476348	2.7	
392	HCM0515	Bùi Phương Linh	Nữ	27-11-1988	264316969	6	
393	HCM0516	Hoắc Gia Linh	Nữ	24-05-1978	022975856	3	
394	HCM0517	Trang Thùy Linh	Nữ	04-09-1990	079190011227	1.6	
395	HCM0519	Nguyễn Thị Thúy Linh	Nữ	05-03-1981	225133462	3.4	
396	HCM0520	Vương Ngọc Linh	Nữ	24-11-1986	024614273	3.2	
397	HCM0521	Võ Thị Thùy Linh	Nữ	09-07-1987	025607711	2.9	
398	HCM0523	Nguyễn Thị Kiều Loan	Nữ	25-05-1988	075188000758	4.4	
399	HCM0524	Nguyễn Phước Lộc	Nam	15-12-1986	351730979	2	
400	HCM0525	Nguyễn Thị Hoàng Lộc	Nữ	18-11-1986	079186009990	5.3	
401	HCM0526	Võ Thị Lộc	Nữ	09-05-1991	082191000100	4.7	
402	HCM0527	Trần Vĩnh Lộc	Nam	14-06-1979	281155269	3.2	
403	HCM0528	Phạm Hoàng Tố Lợi	Nữ	14-08-1987	205220529	4.1	
404	HCM0530	Nguyễn Ngọc Long	Nam	01-12-1991	191766114	2	
405	HCM0531	Trần Đức Long	Nam	07-10-1992	272155514	3.8	
406	HCM0532	Phạm Tiến Lực	Nam	08-11-1990	225475891	5.4	
407	HCM0533	Lê Phương Lực	Nam	28-07-1982	040082001112	3.6	
408	HCM0534	Võ Thị Ngọc Lượm	Nữ	14-03-1979	023294340	3.8	
409	HCM0535	Nguyễn Thị Phương Luyến	Nữ	00-00-1987	301274210	1	
410	HCM0536	Trịnh Cẩm Ly	Nữ	18-03-1987	183536937	4.1	
411	HCM0538	Nguyễn Thị Lý	Nữ	01-05-1972	271128545	3.4	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
412	HCM0539	Đặng Thị Mai Lý	Nữ	25-10-1986	221174650	4.2	
413	HCM0540	Võ Thị Như Lý	Nữ	29-04-1988	215154423	1.8	
414	HCM0541	Phan Thị Hải Lý	Nữ	02-05-1985	042185000969	3.7	
415	HCM0542	Cao Thị Ngọc Mai	Nữ	10-10-1985	215052424	4.4	
416	HCM0543	Nguyễn Thị Phương Mai	Nữ	16-07-1986	087186000131	3.6	
417	HCM0544	Lê Thị Nguyên Mai	Nữ	09-01-1988	225354642	2.8	
418	HCM0545	Phạm Thị Phương Mai	Nữ	16-10-1993	273466112	5.3	
419	HCM0546	Lê Thị Thanh Mai	Nữ	20-07-1966	350767217	3	
420	HCM0547	Lê Thị Mai	Nữ	02-09-1990	C3334214	5.1	
421	HCM0548	Vũ Thị Mai	Nữ	25-04-1984	142126045	4.8	
422	HCM0549	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Nữ	06-12-1993	241427444	3.9	
423	HCM0550	Phan Minh Mẫn	Nam	19-11-1961	290419997	3	
424	HCM0551	Trần Thị Mận	Nữ	21-10-1989	212559925	5.6	
425	HCM0552	Phạm Ngọc Mạnh	Nam	25-06-1982	271455062	4	
426	HCM0553	Nguyễn Thị Ngọc Mến	Nữ	10-12-1990	215113678	5.4	
427	HCM0554	Nguyễn Trí Minh	Nam	01-10-1986	250627370	4.4	
428	HCM0556	Nguyễn Hồng Minh	Nam	04-10-1979	023167437	5.4	
429	HCM0557	Nguyễn Văn Minh	Nam	00-00-1981	205440142	2.8	
430	HCM0558	Khổng Tài Múi	Nữ	10-05-1989	271872278	4	
431	HCM0559	Lê Quang Nam	Nam	20-05-1992	351960916	3.4	
432	HCM0560	Hà Tứ Nam	Nam	15-06-1987	351904816	1.5	
433	HCM0561	Nguyễn Văn Nam	Nam	22-10-1984	186010148	2.8	
434	HCM0562	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	18-05-1985	066185000065	4.6	
435	HCM0563	Nguyễn Thị Nga	Nữ	21-03-1986	030186002880	2.7	
436	HCM0565	Trần Thị Quý Nga	Nữ	21-03-1992	250902031	3.7	
437	HCM0566	Nguyễn Thị Nga	Nữ	10-05-1993	241416551	4.7	
438	HCM0567	Cao Thiên Nga	Nữ	16-07-1977	025149935	1.8	
439	HCM0568	Trần Thị Ngà	Nữ	28-06-1991	250870146	4.6	
440	HCM0569	Lê Thị Ngà	Nữ	04-05-1986	281315175	5.1	
441	HCM0571	Trần Thị Ngọc Ngân	Nữ	13-02-1980	271336632	5.1	
442	HCM0572	Vũ Thị Thanh Ngân	Nữ	15-05-1981	079181004515	3.7	
443	HCM0573	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	24-11-1987	183575975	4.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
444	HCM0575	Hồ Kim Ngân	Nữ	20-12-1986	023847595	4	
445	HCM0576	Lê Quang Nghi	Nam	18-11-1982	385162354	5.4	
446	HCM0577	Đặng Huỳnh Nghi	Nam	12-03-1981	025601532	2.1	
447	HCM0578	Hoàng Đình Nghĩa	Nam	28-08-1983	240674186	2.3	
448	HCM0579	Ngô Thị Huyền Nghiêm	Nữ	22-08-1987	052187000354	4.5	
449	HCM0580	Nguyễn Thị Ngoạn	Nữ	26-02-1989	142319377	6.2	
450	HCM0581	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	03-04-1989	025971211	4.4	
451	HCM0582	Phạm Thị Minh Ngọc	Nữ	14-06-1987	024019765	4.3	
452	HCM0583	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	Nữ	23-05-1989	225342172	4.6	
453	HCM0584	Trần Nguyễn Uyên Ngọc	Nữ	08-12-1977	025580649	2.7	
454	HCM0586	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	Nữ	12-02-1978	205529943	3.6	
455	HCM0588	Nguyễn Đình Nguyên	Nam	30-05-1988	038088006016	1.7	
456	HCM0589	Math Sên Lê Trọng Nguyễn	Nam	07-07-1984	023777239	3.6	
457	HCM0590	Phan Thị Ánh Nguyệt	Nữ	00-00-1979	281014180	1.7	
458	HCM0591	Dương Thị Nguyệt	Nữ	05-05-1984	001184006400	3.2	
459	HCM0592	Nguyễn Thị Kim Nguyệt	Nữ	26-10-1982	205092801	2.7	
460	HCM0593	Trần Thị Nguyệt	Nữ	25-05-1983	197118395	4.3	
461	HCM0594	Phạm An Nhàn	Nam	25-12-1993	312250385	5	
462	HCM0596	Nguyễn Hồ Trọng Nhân	Nam	13-10-1992	321423201	4.7	
463	HCM0597	Nguyễn Minh Nhân	Nam	06-07-1986	351685117	2.6	
464	HCM0598	Trần Đình Nhân	Nam	12-07-1986	211876775	1.7	
465	HCM0601	Phạm Nữ Nhi	Nữ	21-02-1994	079194004262	4.2	
466	HCM0602	Phạm Thị Châu Nhi	Nữ	09-07-1987	264294391	3.8	
467	HCM0603	Dương Yến Nhi	Nữ	10-09-1994	285498734	5	
468	HCM0604	Trần Thị Thùy Nhiên	Nữ	02-08-1991	341577814	3.6	
469	HCM0605	Phan Thị Quỳnh Như	Nữ	16-02-1990	186820273	5	
470	HCM0606	Đào Thị Ý Như	Nữ	28-11-1992	301432789	4	
471	HCM0607	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	23-08-1989	079189015268	1.5	
472	HCM0608	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	Nữ	24-06-1988	290875854	4.3	
473	HCM0609	Huỳnh Thị Cẩm Nhung	Nữ	12-12-1991	075191000551	5.5	
474	HCM0610	Vũ Thị Nhung	Nữ	20-09-1991	031738171	5.1	
475	HCM0611	Chu Thị Ninh	Nữ	17-06-1990	033190001791	5.7	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
476	HCM0612	Bùi Thị Kim Nương	Nữ	20-08-1984	321500695	3.4	
477	HCM0613	Lưu Thị Oanh	Nữ	20-05-1986	025497027	5	
478	HCM0614	Trần Thị Kiều Oanh	Nữ	24-12-1992	371630184	4.2	
479	HCM0615	Trương Thị Hoàng Oanh	Nữ	15-10-1984	280826862	3.6	
480	HCM0616	Đoàn Vương Thị Phương Oa	Nữ	13-03-1989	371376742	3.1	
481	HCM0617	Nguyễn Thị Phương Oanh	Nữ	20-02-1990	321312512	3.7	
482	HCM0618	Châu Thanh Phong	Nam	20-02-1978	300864913	4.2	
483	HCM0619	Nguyễn Thị Thịnh Phòng	Nữ	12-12-1986	079186004228	4.1	
484	HCM0620	Lê Ngọc Phú	Nữ	02-01-1992	024738766	4	
485	HCM0621	Trịnh Thị Ngọc Phú	Nữ	03-02-1987	311912020	4	
486	HCM0622	Lê Nguyễn Hồng Phúc	Nam	01-07-1992	225538826	3.9	
487	HCM0623	Nguyễn Thị Lan Phương	Nữ	02-06-1988	311922773	4.3	
488	HCM0624	Nguyễn Thị Huế Phương	Nữ	04-03-1990	312042932	3.9	
489	HCM0625	Lương Thị Minh Phương	Nữ	23-05-1993	025506476	4.2	
490	HCM0626	Mai Ngọc Phương	Nữ	25-06-1992	225522884	4.4	
491	HCM0627	Trần Nhật Phương	Nam	14-09-1986	311870497	3.9	
492	HCM0628	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	20-08-1984	312419692	3	
493	HCM0629	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	22-12-1994	261345018	4.1	
494	HCM0630	Phạm Ngọc Phương	Nữ	31-08-1985	079185011138	3.9	
495	HCM0631	Hà Thị Mai Phương	Nữ	26-02-1991	024514962	3.9	
496	HCM0632	Lê Thị Mỹ Phương	Nữ	26-08-1994	272398234	3.6	
497	HCM0633	Nguyễn Thị Thanh Phương	Nữ	12-05-1984	023559606	5.5	
498	HCM0634	Hồ Thị Mai Phượng	Nữ	27-04-1991	264365934	4.4	
499	HCM0635	Bùi Thị Ngọc Phượng	Nữ	29-06-1982	080182000236	2.8	
500	HCM0636	Trần Thị Kiều Phượng	Nữ	30-08-1978	025133399	3.1	
501	HCM0637	Nguyễn Thị Phượng	Nữ	12-05-1980	025698255	2.4	
502	HCM0638	Phan Thị Hoàng Phượng	Nữ	02-01-1984	281143788	2.5	
503	HCM0639	Phạm Thị Bích Phượng	Nữ	24-06-1982	311679360	2.3	
504	HCM0640	Trần Thị Qua	Nữ	08-12-1993	215278706	2.8	
505	HCM0641	Nguyễn Hồng Quân	Nam	19-06-1974	093074000139	6.8	
506	HCM0642	Trần Văn Quí	Nam	29-11-1981	311613750	2.9	
507	HCM0643	Lê Thị Thu Quí	Nữ	24-09-1993	212328928	5.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
508	HCM0644	Phan Phú Quốc	Nam	07-01-1980	351255158	5.9	
509	HCM0645	Lê Văn Quý	Nam	14-08-1985	285089411	2.2	
510	HCM0646	Trần Ngọc Quyên	Nữ	20-01-1989	221516410	3	
511	HCM0647	Nguyễn Thị Hạnh Quyên	Nữ	30-09-1987	341264524	4.3	
512	HCM0648	Hồ Thị Tú Quyên	Nữ	06-11-1975	022776971	3.6	
513	HCM0649	Võ Như Quỳnh	Nữ	20-10-1983	241672349	2.8	
514	HCM0650	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	16-03-1988	034188003530	3.7	
515	HCM0651	Lê Thị Mai Quỳnh	Nữ	28-05-1995	241505151	4.4	
516	HCM0652	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	02-09-1992	212656979	2.7	
517	HCM0653	Nguyễn Thị Ngân Quỳnh	Nữ	20-01-1991	070191000112	5	
518	HCM0654	Trần Văn Sanh	Nam	22-04-1989	221215131	4.3	
519	HCM0655	Nguyễn Thị Hương Sen	Nữ	04-08-1991	241168129	5.3	
520	HCM0657	Mai Đặng Trường Sơn	Nam	24-11-1985	221147746	3.2	
521	HCM0658	Dương Loan Sương	Nữ	00-00-1980	331833440	2.7	
522	HCM0661	Mai Lê Hồng Sương	Nữ	01-06-1992	225453282	3.4	
523	HCM0663	Hoàng Ngọc Tú Sương	Nữ	19-12-1993	241419480	3.7	
524	HCM0665	Nguyễn Thị Tám	Nữ	06-10-1984	205077220	3.6	
525	HCM0666	Bùi Thị Tâm	Nữ	04-11-1988	031188007629	4.5	
526	HCM0667	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ	02-04-1980	056180000036	3	
527	HCM0668	Trương Minh Tâm	Nữ	20-07-1992	024694185	2.8	
528	HCM0671	Thái Văn Tây	Nam	10-02-1982	365307080	4.2	
529	HCM0673	Nguyễn Thị Thải	Nữ	10-08-1981	225079325	2.7	
530	HCM0674	Trần Thị Thắm	Nữ	02-05-1985	201661857	3	
531	HCM0675	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	10-07-1987	183684343	4.2	
532	HCM0676	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Nữ	06-02-1987	301225147	1.7	
533	HCM0677	Đoàn Quốc Thắng	Nam	00-00-1988	285214866	3.3	
534	HCM0678	Hứa Thắng	Nam	15-05-1978	381034994	2.7	
535	HCM0679	Nguyễn Thị Thiên Thanh	Nữ	30-10-1981	240583246	4.3	
536	HCM0680	Nguyễn Thị Kim Thanh	Nữ	23-12-1977	225054579	2.3	
537	HCM0682	Nguyễn Chí Thanh	Nam	01-11-1983	281232047	4.2	
538	HCM0683	Hoàng Công Thành	Nam	20-10-1978	025083539	4.3	
539	HCM0684	Võ Ngọc Thu Thảo	Nữ	01-08-1991	024467451	2.8	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
540	HCM0685	Tăng Thị Thanh Thảo	Nữ	29-04-1978	331212175	3.2	
541	HCM0687	Trần Phương Thảo	Nữ	16-05-1994	215392680	5.2	
542	HCM0689	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	24-08-1987	271898696	3.4	
543	HCM0691	Bùi Thị Thảo	Nữ	26-02-1989	068189000339	3.9	
544	HCM0692	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	05-05-1983	273196760	2.2	
545	HCM0694	Trần Bé Thảo	Nữ	19-09-1989	372015006	4.4	
546	HCM0695	Võ Thị Thảo	Nữ	09-03-1992	250900546	1.9	
547	HCM0696	Vũ Thị Thu Thảo	Nữ	26-03-1985	271767436	4.3	
548	HCM0697	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	27-08-1985	250573340	3.7	
549	HCM0698	Nguyễn Thật	Nam	20-02-1979	051079000399	3.9	
550	HCM0700	Lê Thị Thi	Nữ	01-10-1993	205681002	3	
551	HCM0701	Phạm Đức Thiện	Nam	12-10-1988	250674957	4	
552	HCM0704	Nguyễn Thị Thơ	Nữ	25-12-1980	025827627	2	
553	HCM0705	Huỳnh Thị Kim Thoa	Nữ	12-07-1989	024494802	5.2	
554	HCM0706	Phan Thị Kim Thoa	Nữ	18-10-1974	083174000378	3.1	
555	HCM0707	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	19-05-1984	025926785	2.3	
556	HCM0708	Hồ Thị Thơm	Nữ	06-08-1990	121953223	4.2	
557	HCM0709	Lê Thị Hương Thông	Nữ	19-05-1985	280857234	4.1	
558	HCM0710	Lê Đình Thông	Nam	05-05-1992	186911266	2.9	
559	HCM0711	Đào Xuân Thống	Nam	02-02-1989	264316185	3.3	
560	HCM0712	Nguyễn Thị Thu	Nữ	12-10-1988	212726361	3.9	
561	HCM0713	Lê Xuân Thu	Nữ	26-10-1981	273099008	4.3	
562	HCM0714	Phan Thị Thu	Nữ	16-03-1973	001173009665	5	
563	HCM0715	Nguyễn Thị Nhã Thư	Nữ	25-06-1987	285130478	6.2	
564	HCM0717	Trần Hồ Anh Thư	Nữ	27-03-1980	271408847	2.8	
565	HCM0718	Vũ Minh Thuận	Nam	09-06-1983	091083000159	3.1	
566	HCM0719	Đặng Ngọc Thuận	Nam	06-02-1990	212652236	3	
567	HCM0720	Huỳnh Đức Thương	Nam	30-12-1988	334968353	3.9	
568	HCM0721	Lê Văn Thương	Nam	30-06-1986	271898149	2.6	
569	HCM0722	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	05-06-1971	026171001297	3.9	
570	HCM0723	Nguyễn Thị Bích Thuỷ	Nữ	10-03-1977	079177001656	2.5	
571	HCM0724	Dương Thị Thu Thuỷ	Nữ	29-06-1981	023583031		

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
572	HCM0725	Châu Thị Thanh Thuỷ	Nữ	23-06-1971	001171018324	3.1	
573	HCM0726	Bùi Thị Minh Thúy	Nữ	29-03-1988	250646457	4.5	
574	HCM0727	Huỳnh Mộng Thúy	Nữ	01-12-1983	023617814	5.6	
575	HCM0728	Lê Thị Thúy	Nữ	18-09-1989	281234073	2.4	
576	HCM0729	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	08-07-1987	250690657	3.7	
577	HCM0730	Hoàng Hồ Phương Thúy	Nữ	20-10-1985	079185016050	3.9	
578	HCM0731	Phạm Thị Thúy	Nữ	09-03-1984	251123994	3.4	
579	HCM0732	Nguyễn Thị Hồng Thúy	Nữ	09-08-1987	240891840	4.4	
580	HCM0733	Lục Thị Phương Thúy	Nữ	11-11-1984	046184000447	5	
581	HCM0736	Trần Thị Thủy	Nữ	20-12-1994	272421928	4.6	
582	HCM0737	Trần Thị Bích Thủy	Nữ	29-11-1985	191568087	3.6	
583	HCM0738	Huỳnh Thu Như Thủy	Nữ	20-08-1981	025538288	3.7	
584	HCM0741	Trần Thị Thủy	Nữ	12-07-1987	285124073	2.6	
585	HCM0742	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	17-02-1988	215023897	4.4	
586	HCM0743	Huỳnh Văn Thuyền	Nam	10-10-1974	370776502	1.8	
587	HCM0745	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	16-05-1983	023439851	3.7	
588	HCM0746	Dương Minh Tiến	Nam	16-08-1988	079088001637	3.6	
589	HCM0747	Trần Hoàng Tin	Nữ	04-05-1991	201630076	5.1	
590	HCM0748	Lê Việt Tín	Nam	31-05-1988	363523937	3.5	
591	HCM0749	Nguyễn Trung Tín	Nam	06-05-1981	381004744	1.4	
592	HCM0750	Hồ Văn Tình	Nam	02-09-1989	197193392	4.4	
593	HCM0751	Vũ Thị Tình	Nữ	01-11-1988	362283691	3	
594	HCM0752	Cái Văn Tô	Nam	27-12-1982	381215332	3.3	
595	HCM0753	Lê Thị Như Toan	Nữ	01-01-1984	205130336	4	
596	HCM0754	Phan Minh Toàn	Nam	24-07-1993	312170155	5	
597	HCM0755	Nguyễn Bảo Toản	Nam	20-12-1991	261189830	2.6	
598	HCM0756	Nguyễn Thị Kim Trà	Nữ	00-00-1994	261342548	3.3	
599	HCM0757	Trần Thị Bích Trâm	Nữ	12-01-1992	024579109	3.4	
600	HCM0758	Trương Thị Như Trâm	Nữ	02-09-1983	201685143	3.5	
601	HCM0760	Nguyễn Thị Hương Trầm	Nữ	31-03-1989	321351235	4.4	
602	HCM0761	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	Nữ	01-01-1992	273476569	2.7	
603	HCM0762	Dương Thị Thùy Trân	Nữ	18-04-1984	025994313	3.3	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
604	HCM0763	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	06-06-1988	331501115	3.8	
605	HCM0764	Đinh Thị Mai Trang	Nữ	21-12-1986	025756346	4.4	
606	HCM0765	Trịnh Hồng Trang	Nữ	01-12-1988	311950577	4.4	
607	HCM0766	Lê Thị Thu Trang	Nữ	22-12-1982	079182010372	2.5	
608	HCM0767	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	04-06-1987	311881772	2.7	
609	HCM0769	Phan Ngọc Thanh Trang	Nữ	05-09-1992	334797070	3.4	
610	HCM0770	Lưu Thị Thùy Trang	Nữ	25-03-1991	079191000533	2.5	
611	HCM0771	Trần Thị Kiều Trang	Nữ	01-12-1982	025335714	4	
612	HCM0772	Trương Thị Thuỳ Trang	Nữ	30-09-1981	052181000230	3.3	
613	HCM0773	Tô Ngọc Trang	Nữ	02-09-1989	363567672	3.1	
614	HCM0774	Đồng Thị Huyền Trang	Nữ	27-10-1986	186206413	5.5	
615	HCM0775	Nguyễn Thị Lệ Trang	Nữ	10-08-1987	250700104	3.4	
616	HCM0777	Lê Thị Trang	Nữ	20-10-1982	026071395	3.6	
617	HCM0778	Lê Cao Khánh Trang	Nữ	27-05-1987	250726902	4.4	
618	HCM0779	Nguyễn Thị Ngọc Trang	Nữ	17-08-1989	205445066	3.2	
619	HCM0780	Lê Đức Trí	Nam	08-11-1984	072084006611	2.6	
620	HCM0781	Trần Thị Mỹ Trinh	Nữ	30-04-1992	273431661	4.3	
621	HCM0782	Hồ Thị Việt Trinh	Nữ	10-04-1992	272066024	5.4	
622	HCM0784	Nguyễn Thị Thảo Trinh	Nữ	14-04-1994	215262090	3.6	
623	HCM0786	Châu Thị Trúc	Nữ	04-02-1988	046188000146	4.6	
624	HCM0787	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	15-03-1989	225345035	3.6	
625	HCM0788	Trần Thị Xuân Trúc	Nữ	29-09-1995	381754697	3.7	
626	HCM0789	Nguyễn Thanh Trúc	Nữ	17-12-1988	280903478	5.3	
627	HCM0790	Trần Thanh Trúc	Nữ	20-04-1986	271659395	1.2	
628	HCM0791	Nguyễn Hữu Quan Trực	Nam	12-09-1988	205284262	3.9	
629	HCM0792	Võ Thị Ngọc Trực	Nữ	20-04-1986	211884635	3.9	
630	HCM0793	Huỳnh Trung Trực	Nam	20-05-1994	250953904	5.2	
631	HCM0794	Bùi Cẩm Tú	Nữ	21-12-1983	023670519	2.5	
632	HCM0795	Dương Thị Cẩm Tú	Nữ	21-02-1991	331642047	1.9	
633	HCM0796	Huỳnh Thị Khả Tú	Nữ	15-06-1978	083178000682	3.7	
634	HCM0797	Nguyễn Lê Cẩm Tú	Nữ	13-02-1987	079187006994	2.9	
635	HCM0798	Lâm Tú	Nữ	06-06-1992	230807627	3.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
636	HCM0799	Nguyễn Thị Tú	Nữ	22-07-1988	135365492	3	
637	HCM0800	Dương Thị Cẩm Tú	Nữ	03-06-1985	361965376	5	
638	HCM0801	Nguyễn Thanh Tú	Nam	20-11-1985	054085000133	3.7	
639	HCM0804	Tăng Anh Tuấn	Nam	02-04-1992	024701805	4.3	
640	HCM0805	Lê Thị Mỹ Tuyên	Nữ	04-04-1989	241126117	4.2	
641	HCM0806	Phan Thị Kim Tuyến	Nữ	22-03-1982	321146471	3.5	
642	HCM0807	Trình Thị Ánh Tuyết	Nữ	14-07-1991	092191003011	5.1	
643	HCM0808	Hồ Thị Ánh Tuyết	Nữ	27-04-1978	301202128	3.9	
644	HCM0810	Phạm Thị Tuyết	Nữ	20-10-1991	173309344	4.2	
645	HCM0811	Trần Thị Tuyết	Nữ	12-08-1983	025002686	2.9	
646	HCM0812	Nguyễn Thị Hồng Ty	Nữ	15-07-1988	212294379	2.3	
647	HCM0813	Nguyễn Thị Thục Uyên	Nữ	04-07-1985	272433475	2.8	
648	HCM0815	Phạm Lệ Phương Uyên	Nữ	02-01-1980	092180004408	4.5	
649	HCM0816	Nguyễn Lê Uyên	Nữ	10-02-1988	212775456	3.7	
650	HCM0817	Nguyễn Thị Nhã Uyên	Nữ	28-09-1991	280966821	5.6	
651	HCM0818	Võ Thị Vân	Nữ	14-12-1992	077192000691	4.6	
652	HCM0819	Bùi Thị Bích Vân	Nữ	16-07-1987	051187000461	5.3	
653	HCM0820	Trương Gia Vân	Nữ	30-01-1979	079179009772	2.9	
654	HCM0821	Nguyễn Thị Vân	Nữ	06-06-1981	024355670	2.5	
655	HCM0822	Nguyễn Hữu Phi Vân	Nữ	27-07-1980	024923606	3.8	
656	HCM0823	Thái Thị Ái Vân	Nữ	02-08-1988	024150159	2.6	
657	HCM0824	Hoàng Thị Thùy Vân	Nữ	08-04-1990	273354575	3.5	
658	HCM0826	Trần Cẩm Vân	Nữ	18-12-1991	273455211	6.9	
659	HCM0827	Nguyễn Thị Vàng	Nữ	16-02-1990	312024703	3.5	
660	HCM0828	Hà Thị Ngọc Vi	Nữ	28-03-1985	251200631	3.9	
661	HCM0829	Nguyễn Tường Vi	Nữ	07-11-1987	285110852	3	
662	HCM0830	Lê Thị Kim Việt	Nữ	19-03-1988	221221270	3.3	
663	HCM0831	Bùi Văn Việt	Nam	22-07-1978	024078000231	3.3	
664	HCM0833	Đinh Quang Vũ	Nam	06-04-1986	B8149863	4.1	
665	HCM0834	Trần Hoàng Vũ	Nam	06-07-1988	079088003816	3	
666	HCM0835	Châu Tấn Vui	Nam	08-12-1995	264467709	2.9	
667	HCM0836	Nguyễn Văn Vương	Nam	02-12-1983	205496986	3.4	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
668	HCM0837	Phạm Thị Thanh Vương	Nữ	18-02-1984	212721358	4.6	
669	HCM0838	Nguyễn Thị Vy	Nữ	10-03-1977	024964227	3.6	
670	HCM0839	Đặng Thị Quỳnh Vy	Nữ	04-08-1991	215241048	4.1	
671	HCM0841	Nguyễn Thị Xanh	Nữ	03-05-1985	271849853	1.4	
672	HCM0842	Nguyễn Văn Xê	Nam	20-04-1976	201269581	5	
673	HCM0843	Võ Thị Xuân	Nữ	03-08-1969	012889060	1	
674	HCM0844	Phạm Thị Xuân	Nữ	14-01-1988	276048838	3.9	
675	HCM0845	Trần Trọng Xuân	Nam	24-06-1991	033091000875	1.8	
676	HCM0846	Hoàng Thị Xuân	Nữ	08-02-1985	291079623	2.7	
677	HCM0847	Hà Thị Xuyến	Nữ	04-01-1986	033186006255	2.5	
678	HCM0848	Trần Hải Yến	Nữ	28-11-1992	212568245	4.1	
679	HCM0849	Phạm Hoàng Yến	Nữ	06-08-1986	301845616	4.1	
680	HCM0850	Tạ Thị Hải Yến	Nữ	02-11-1989	132014768	3.9	
681	HCM0852	Lê Thị Hải Yến	Nữ	06-03-1983	025855746	4.2	
682	HCM0853	Nguyễn Xuân Yến	Nữ	20-04-1995	272345673	4.5	
683	HCM0854	Phạm Thị Yến	Nữ	18-06-1985	038185002317	4.3	
684	HCM0855	Lê Thị Ngọc Yến	Nữ	29-10-1987	280872421	3.8	
685	HCM0856	Phạm Lê Kim Yến	Nữ	12-08-1992	285271644	5.3	
686	HCM0857	Tạ Ngọc Yến	Nữ	12-11-1990	079190005053	3	
687	HCM0858	Đặng Thanh Hoàng Yến	Nữ	04-09-1987	280864349	3.1	
688	HCM0859	Thân Thị Yến	Nữ	02-10-1984	211848908	2.1	
689	HCM0860	Bùi Thị Hoàng Yến	Nữ	01-01-1983	205153140	4.1	
690	HCM0861	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	16-05-1988	311956673		3.9
691	HCM0863	Đinh Thế Hiệp	Nam	29-07-1976	001076017830		5.9
692	HCM0864	Võ Thị Thúy Kiều	Nữ	23-12-1987	212771673		7.4
693	HCM0866	Nguyễn Mai Ly	Nữ	11-11-1994	024968767		6.5
694	HCM0867	Lê Thị Mỹ Ly	Nữ	12-05-1993	191804848		5.3
695	HCM0868	Nguyễn Hoàng Mạnh	Nam	22-10-1990	024479760		6.8
696	HCM0869	Hồ Bích Na	Nữ	01-09-1994	201666217		5.8
697	HCM0870	Trương Ngọc An Nhiên	Nữ	17-06-1990	250825775		5.6
698	HCM0872	Hồ Thị Hồng Quân	Nữ	06-09-1984	250524086		7.8
699	HCM0873	Nguyễn Đức Sơn	Nam	20-10-1993	241391738		6.1

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CMND/ CCCD/HC	Điểm thi môn	
						Pháp luật về thuế	Kế toán
700	HCM0874	Trần Thị Thảo Sương	Nữ	03-02-1992	212695583		4.3
701	HCM0875	Huỳnh Thành Tâm	Nam	19-05-1987	271849553		6.3
702	HCM0876	Trần Thị Thu Thúy	Nữ	30-03-1994	261317619		5.5
703	HCM0877	Phạm Thị Tĩnh	Nữ	12-02-1991	174001017		5
704	HCM0878	Huỳnh Thị Mỹ Trang	Nữ	03-02-1993	272164356		9.3
705	HCM0879	Tô Thị Thu Trang	Nữ	26-02-1987	079187012258		4.5
706	HCM0881	Lê Hồng Uyên	Nữ	27-10-1992	264371722		6.9
707	HCM0882	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Nữ	06-02-1992	261196244		5.6

Hà Nội, ngày 11 tháng 07 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG THI

PHÓ CHỦ TỊCH

TRƯỜNG NGHIỆP VỤ THUẾ

Đàm Văn Luân

Phó Giám đốc Trường Nghiệp vụ Thuế